

CƠ SỞ KHOA HỌC VÀ THỰC TIỄN CỦA PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

PGS.TS. Trần Văn Tùng

1. Khái niệm về phát triển và phát triển bền vững

Phát triển là quá trình làm tăng thêm năng lực của con người hoặc môi trường để đáp ứng nhu cầu của con người hoặc nâng cao chất lượng cuộc sống con người. Sản phẩm của sự phát triển là mọi người được mạnh khoẻ, được chăm sóc sức khoẻ tốt, có nhà ở và tiện nghi sinh hoạt, được tham gia vào hoạt động sản xuất theo chuyên môn đào tạo và được hưởng thụ các thành quả của quá trình phát triển. Như vậy phát triển không chỉ bao hàm việc khai thác và chế biến các nguồn tài nguyên, xây dựng cơ sở hạ tầng, mua và bán sản phẩm mà còn bao gồm các hoạt động không kém phần quan trọng như chăm sóc sức khoẻ, an ninh xã hội, đặc biệt là an ninh con người, bảo tồn thiên nhiên,... phát triển là một tổ hợp các hoạt động, một số mục tiêu xã hội, một số mục tiêu kinh tế, dựa trên tài nguyên thiên nhiên, vật chất, trí tuệ nhằm phát huy hết khả năng của con người, được hưởng một cuộc sống tốt đẹp hơn.

Để cho quá trình phát triển được bền vững thì quá trình đó phải có tính liên tục, mãi mãi, hoặc các lợi ích của nó phải được duy trì không hạn định. Điều này có ý nghĩa là quá trình hoạt động không chứa đựng các yếu tố nào hạn chế thời gian tồn tại của nó. Việc xem xét một hoạt động có phải là bền vững hay không là một dự báo tương lai, có tính rủi ro cao, bởi vì sự bền vững là một quá trình ngẫu nhiên, không chắc chắn. Cách tốt nhất để đạt được bền vững là lựa chọn những hoạt động bảo đảm tính bền vững. Có

rất nhiều cơ hội lựa chọn để đạt được bền vững, đồng thời cũng có nhiều cơ hội loại bỏ các hoạt động gây tác hại tới phát triển bền vững.

Tóm lại: phát triển bền vững được định nghĩa là một tổ hợp các hoạt động có thể giúp cải thiện được điều kiện cho con người theo cách thức sao cho có thể duy trì được sự cải thiện đó.

Tuy nhiên, việc áp dụng khái niệm này lại làm cho mọi việc trở lên phức tạp. Cuốn “chăm lo trái đất” của quỹ bảo vệ thiên nhiên thế giới năm 1987 đã đưa ra một định nghĩa chính xác hơn đó là cải thiện cuộc sống con người trong khuôn khổ phạm vi sức chứa của hệ sinh thái. Như vậy nó xác định rõ là có sự hạn chế về môi trường và sinh thái với sự phát triển mà ta cần bảo vệ nếu như muốn đó là sự phát triển bền vững.

2. Các khía cạnh khác nhau của phát triển bền vững

Phát triển bền vững là khái niệm rộng, có thể phân tích nội hàm của nó thông qua một số góc nhìn khác nhau.

Thứ nhất, bền vững về sinh thái. Các hệ sinh thái là những nguồn độc nhất cần cho sự sống bao gồm không khí, nước, thức ăn, những vật liệu để may mặc, làm nhà, đun nấu, sưởi ấm,... ngoài ra một điều nữa cũng có tầm quan trọng không kém hỗ trợ cho sự sống mà chỉ hệ sinh thái của khí cacbon, oxy và các nguyên tố hoá học khác cần cho sự sống trên toàn cầu. Tuy nhiên hệ sinh thái trợ giúp và sức chứa của hệ thống đó đang

ngày càng bị thu hẹp do tác động của công nghiệp hoá, hoạt động thương mại và hành động của con người.

Có nhiều suy đoán khác nhau về sức chứa đối với con người của từng khu vực, quốc gia và trên quy mô toàn cầu. Một số nhà quan sát khi nhận thấy tầng ôzôn bị thủng, những cơn mưa axit ào xuống, sự tàn phá môi trường lan rộng như khai thác tài nguyên, phá rừng ồ ạt, sự biến mất của các loài và sự cạn kiệt nguồn tài nguyên dường như không thể bù đắp nổi. Khi đó họ đồng thanh tuyên bố sức chứa toàn cầu đối với con người bị vượt quá giới hạn. Một số bộ tộc, quốc gia đã hành động không hề có hạn chế cho hành vi của mình, bởi họ dựa trên lập luận các công nghệ mới, sự thay thế nguồn tài nguyên sẽ tạo khả năng vô tận để làm sạch môi trường, cung cấp vật liệu, do đó sức chứa của hệ sinh thái là vô hạn. Điều này xem ra là không thể thực hiện được về mặt logic. Bởi vì sức chứa của trái đất đối với con người là một vấn đề tùy thuộc vào những nhân tố tác động tương tác với nhau. Xin đơn cử vài điều, liệu chúng ta có muốn cùng tồn tại với quần thể động, thực vật không? Chúng ta cần có bao nhiêu cánh rừng nguyên sinh, nơi hoang dã để thở hít không khí trong lành? Rõ ràng là khó khăn khi xác định sức chứa con người của hệ sinh thái. Chỉ biết rằng sức chứa đó đang bị thu hẹp và chỉ có thể đảm bảo được bền vững sinh thái khi xã hội cần tuân thủ các nguyên tắc đạo lý, kinh tế, xã hội. Những nguyên tắc này nhằm mục tiêu nâng cao chất lượng sống con người, bảo tồn các loài động thực vật, giảm thiểu sự khai thác làm cạn kiệt tài nguyên.

Thứ hai, bền vững xã hội. Chúng ta bắt đầu bằng câu hỏi liệu có sức ép nào về mặt xã hội đặt ra đối với sự phát triển? Sự bền vững về xã hội phản ánh mối quan hệ giữa phát triển và những tiêu chuẩn xã hội hiện tại. Một hoạt động có tính bền vững về mặt xã hội nếu nó phù hợp với những tiêu chuẩn xã hội hoặc không làm thay đổi dẫn đến vượt quá sức chịu đựng của cộng đồng. Những tiêu chuẩn xã hội luôn dựa vào tôn giáo, phong tục và truyền thống văn hoá có thể hoặc không có thể được hệ thống hoá bằng luật pháp. Phần lớn những tiêu chuẩn đó là khó đo lường và do đó rất khó xác định. Điều quan trọng là con người đang sống trong một thế giới mà kinh tế, xã hội đều thay đổi rất nhanh. Có những hành vi trước đây không được chấp nhận thì nay được lan truyền rộng rãi. Tiêu chuẩn xã hội có thể vững chắc trong khoảng thời gian ngắn, nhưng lâu dài thì không. Thay đổi thị hiếu tiêu dùng đã gây thiệt hại lớn cho môi trường sinh thái.

Điều đáng quan tâm khi đánh giá sự bền vững xã hội là cho dù các tiêu chuẩn xã hội có thể thay đổi, nhưng có nhiều tiêu chuẩn rất vững chắc và bất kỳ hành động nào phá vỡ giới hạn về xã hội như tội ác, khai thác tài nguyên bừa bãi sẽ bị thất bại, bởi có một lực lượng đông đảo chống lại. Tổ chức xã hội là điều kiện bảo đảm cho sự phát triển bền vững. Do đó việc tìm hiểu, quan sát, thu thập thông tin về các khía cạnh xã hội sẽ giúp cho việc hoạch định chính sách và chương trình hành động chung có lợi cho bền vững xã hội. Nói cụ thể hơn, muốn bảo vệ môi trường cần phải khai thác tiềm năng của nguồn vốn xã hội.

Thứ ba, tính bền vững về kinh tế. Liệu có những hạn chế về kinh tế đối với sự phát triển tương tự như những hạn chế về sinh thái và xã hội không? Rõ ràng có, bởi vì sự bền vững về kinh tế phụ thuộc vào mối quan hệ giữa lợi ích và chi phí. Độ bền vững của kinh tế chủ yếu được quy định bởi tính hữu ích và các chi phí đầu vào, chi phí khai thác và chế biến. Tất cả những yếu tố này luôn thay đổi theo thời gian ở hầu hết khắp các khu vực trên thế giới. Bất kỳ ai muốn tiếp cận tới sự phát triển bền vững, xuất phát từ môi trường tự nhiên thì những hạn chế chủ yếu đối với các quá trình kinh tế là việc sử dụng tài nguyên không gây hại tới môi trường không bị giảm đi khả năng của các nguồn tài nguyên tái sinh. Nếu như các khoản chi phí tiếp tục tăng lên thì chi phí đó phải được tính vào giá cả. Sự bền vững về kinh tế sẽ bị đe dọa nếu cả mức cung và mức cầu đều giảm, dẫn đến phá vỡ sự bền vững nếu như cân bằng giữa lợi ích và chi phí không đạt được.

Thứ tư, phát triển bền vững là ảo tưởng hay sẽ trở thành hiện thực? Theo quan điểm của các nhà kinh tế học, sự bền vững muốn đạt được thì cần phải hạn chế tiêu dùng và hạn chế sử dụng tài nguyên. Nhưng phát triển đòi hỏi tăng trưởng kinh tế liên tục, làm ô nhiễm môi trường, tài nguyên cạn kiệt nghĩa là không thể đạt được bền vững. Một nhóm các nhà kinh tế khác cho rằng mục tiêu phát triển bền vững có thể đạt được nhờ phối hợp hành động trên quy mô toàn cầu. Mặc dù đã có những tiến triển nhưng để có sự đồng thuận là một quá trình lâu dài, vì mỗi quốc gia theo đuổi một chiến lược lợi ích khác nhau.

3. Các chủ nghĩa đe dọa môi trường

Có tới hơn 10 chủ nghĩa đe dọa đến môi trường, sau đây chỉ trình bày một số chủ nghĩa chính:

- **Chủ nghĩa phi chính trị:** chủ nghĩa này đưa ra nhiều quan điểm đe dọa nhiều nhất tới môi trường của khu vực Mỹ latin. Có hai khía cạnh chính trị tác động trực tiếp tới môi trường. Thứ nhất liên quan tới tính trung lập về chính trị, thứ hai, liên quan tới những ưu tiên khác trong chính sách phát triển.

Nhiều người cho rằng những vấn đề môi trường mang tính trung lập về chính trị. Điều đó có nghĩa là tàn phá môi trường tác động tới loài người. Vì vậy, cần phải phối hợp hành động, nhưng không mang màu sắc chính trị, nói khác đi là đặt vấn đề môi trường ra khỏi các cuộc đối thoại về chính trị. Như vậy, người giàu có được lợi từ khai thác tài nguyên, huỷ hoại môi trường rồi bỏ trách nhiệm bảo vệ môi trường. Ngược lại, một nhóm khác có quan tâm tới vấn đề môi trường, họ ý thức được tầm quan trọng của bảo vệ môi trường sinh thái. Nhưng những mục tiêu ưu tiên như tạo việc làm, tăng thu nhập, phát triển các dịch vụ là cấp bách hơn. Mọi lập luận của họ là thoái lui các hoạt động bảo vệ môi trường và người nghèo cũng có thể tham gia các hoạt động phá hoại môi trường.

- **Chủ nghĩa kinh tế:** Một trong những loại tư duy phản môi trường nhất và đang trở thành phổ biến là xu hướng phóng đại tầm quan trọng của kinh tế. Chủ nghĩa kinh tế đã có vô vàn cách chống lại môi trường. Thông thường các nhà quyết định chính sách, chiến lược phát triển hoàn toàn dựa vào lợi ích kinh tế. Căn cứ vào những nguyên tắc này nhiều vấn đề về môi trường được xếp lại hoặc nằm

ngoài, hoặc bị bỏ qua. Rõ ràng có nhiều hàng hoá và nguồn lực của môi trường nằm ngoài thị trường, khi mà giá của môi trường không được tính đến thì việc phá hoại môi trường vì lợi ích kinh tế là không thể nào ngăn chặn được.

Các nhà kinh tế học sinh thái đang nỗ lực đưa ra phương pháp luận tiến tới nhận thức quá trình đích thực của nguồn tài nguyên thiên nhiên đối với những nhà kinh tế, nhiều quyết định về môi trường chỉ được đưa ra sau khi có sự phân tích kinh tế. Đó là cách nhìn thiên cận, không am hiểu môi trường, không thấy mối quan hệ giữa môi trường và xã hội. Hậu quả là nhiều quyết định có lợi về kinh tế nhưng lại gây ô nhiễm nước, chất thải, ô nhiễm không khí đe dọa tới cuộc sống.

- **Chủ nghĩa đối lập:** một chiến thuật thông thường trong tranh luận về môi trường là sử dụng các đối tượng. Đây là kỹ thuật của những người không hiểu biết về môi trường. Ví dụ phổ biến nhất là cuộc tranh luận phát triển độc lập với môi trường mà chúng ta thường thấy. Một loại quan điểm cho rằng tăng trưởng là cơ bản, do đó ảnh hưởng môi trường là tất nhiên. Một quan điểm ngược lại bảo vệ môi trường nhưng phủ nhận của vai trò phát triển, những cuộc tranh luận trong trường phái chủ nghĩa đối lập đi vào ngõ cụt, thậm chí rơi vào tình trạng cực đoan.

- **Chủ nghĩa tư nhân hoá:** Mọi quốc gia đều đưa ra chương trình tư nhân hoá không chỉ trong sản xuất mà cả sử dụng tài nguyên thiên nhiên của quốc gia. Do đó, nhiều tài sản, hàng hoá môi trường đã được sử dụng không vì mục đích quốc gia. Việc tư nhân hoá các bãi tắm, danh lam thắng cảnh là

một thí dụ hùng hồn. Nhiều dịch vụ đã gây hại cho hệ sinh thái biển, rừng. Điều quan trọng hơn là chất lượng cuộc sống của người dân ở các địa phương suy giảm. Lợi ích cộng đồng bị gạt ra ngoài lề, trong khi lợi ích tư nhân tiếp tục tăng nhanh.

- **Chủ nghĩa công nghệ:** chủ nghĩa này là cách thức tốt nhất để giải quyết suy thoái môi trường, vấn đề môi trường có thể giải quyết được do chuyển giao công nghệ. Hiện tại con người biết đến các công nghệ chống xói mòn đất, chống ô nhiễm nước, không khí,... và nhiều công nghệ đã được sử dụng rộng rãi. Cái bẫy công nghệ nằm ở chỗ mọi vấn đề có thể giải quyết bằng công nghệ, do đó khuyến khích con người có thể lạm dụng việc khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên. Mai sau có công nghệ sẽ khắc phục hậu quả. Nhiều nước nghèo trông chờ công nghệ, nhưng công nghệ lại không thể đến với họ, bởi vì các nhà công nghệ chệch ý tưởng, còn muốn áp dụng phải có nhiều tiền để mua thiết bị và chi phí chuyển giao. Hậu quả là nhiều quốc gia, khu vực chịu thiệt hại nặng nề.

Còn nhiều chủ nghĩa khác nữa thí dụ chủ nghĩa song phương, chủ nghĩa sinh thái cực đoan, chủ nghĩa sinh pháp lý,... cũng đang gây tổn thất môi trường.

Cùng với việc tiếp nhận các quan điểm một biện pháp hữu hiệu để kiểm soát chất lượng môi trường là xây dựng các chỉ tiêu thống kê đưa ra các số liệu cảnh báo thảm hoạ môi trường cũng rất hữu hiệu. Do đó, hệ thống chỉ tiêu thống kê về môi trường, phục vụ cho công tác quản lý trong từng lĩnh vực là rất cần thiết ■